

CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

Ký bởi: SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Ngày ký: 27-
05-2026
16:57:46
+07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Số: 5208/Kính gửi: SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

Ngày: 27/05/2026
Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Xúc xích hun khói tỏi MRT	52/Moonmilk/2026	01/05/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

CHIAM ĐOC
CÔNG TY
TNHH
MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA
Nguyễn Hữu Long

1000000000

1000000000

1000000000

1000000000

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 52/Moonmilk/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: import2.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Xúc xích hun khói tỏi MRT

2. Thành phần: Thịt heo, mỡ heo (mỡ lưng), chất ổn định protein (da heo, nước), thịt bò, nước, protein sữa, protein động vật (từ thịt heo), hỗn hợp muối nitrit (muối, chất giữ màu (natri nitrit)), tỏi, chất ổn định (natri dihydro pyrophosphat), chất làm đặc (natri alginat, carrageenan), chất điều vị (mononatri glutamat), gia vị tự nhiên (nhục đậu khấu, thì là, ớt, tiêu Jamaica, rau mùi), cần tây.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 55 ngày kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói: 375g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.

5. Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH “Miratorg-Kursk”. 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6.

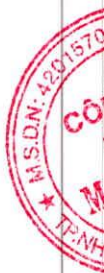
Địa chỉ: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3: 2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.



- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT – Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Long



1000 1/2 100

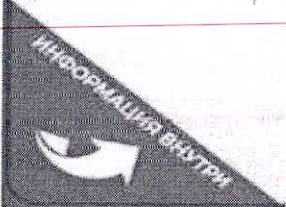
1000 1/2 100

Nhãn phụ



- Xúc xích hun khói tối MRT**
Thành phần: Thịt heo, mỡ heo (mỡ lưng), chất ổn định protein (da heo, nước), thịt bò, nước, protein sữa, protein động vật (từ thịt heo), hỗn hợp muối nitrit (muối, chất giữ màu (natri nitrit)), tỏi, chất ổn định (natri dihydro pyrophosphat), chất làm đặc (natri alginat, carrageenan), chất điều vị (mononatri glutamat), gia vị tự nhiên (nhục đậu khấu, thì là, ớt, tiêu Jamaica, rau mùi), cần tây
- Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 6°C. Thời hạn sử dụng khuyến nghị của sản phẩm sau khi bao bì tiêu dùng bị mở, ở nhiệt độ bảo quản từ 2°C đến 6°C và độ ẩm không khí tương đối từ 75% đến 78%, không quá 3 ngày và trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm đóng gói.
- Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
Sản phẩm có thể chứa thành phần của mù tạt, ngũ cốc, mè, các loại hạt, cần tây, sulfite và các sản phẩm chế biến từ chúng.
- Hạn sử dụng : 55 ngày kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6.
Địa chỉ: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Dê, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 52/Moonmilk/2026

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	
Năng lượng (Energy)	285 Kcal
Đạm (Protein)	14.4 g
Carbohydrat (Carbohydrate)	5.39 g
Béo tổng (Total fat)	22.9 g
Natri (Sodium)	688 mg
Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn	

Xúc xích hun khói tỏi MRT	
ИСКЛЮЧИТЕЛЬНО ИЗ МЯСА С СОБСТВЕННЫХ ФЕРМ МИРАТОРГ	CHỈ SỬ DỤNG THỊT TỪ CÁC TRANG TRẠI RIÊNG MIRATORG
— ПОЛУКОПЧЕНАЯ КОЛБАСА — ЧЕСНОЧНАЯ	- XÚC XÍCH HUN KHÓI TỎI -
МАССА NETTO: 375 г  4 670002 949933 20 mm 10 mm	Khối lượng tịnh: 375g (Mã vạch) 4 670002949933 (20 x 10) mm
	KIỂM SOÁT 100% QUY TRÌNH SẢN XUẤT THỊT
КЛАССИЧЕСКАЯ РЕЦЕПТУРА	CÔNG THỨC CỔ ĐIỂN
	THÔNG TIN BÊN TRONG



Handwritten signature





Gợi ý trình bày

RU МЯСНОЕ КОЛБАСНОЕ ИЗДЕЛИЕ КАТЕГОРИИ В. КОЛБАСА ПОЛУКОПЧЕНАЯ «ЧЕСНОЧНАЯ».

Состав: свинина, шпик свиной, белковый стабилизатор (шкурка свиная, вода), говядина, вода, белок молочный, животный белок (свиной), посолочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), чеснок, стабилизатор (дигидропирофосфат натрия), загустители (альгинат натрия, каррагинан), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия 1-замещенный), натуральные пряности (мускатный орех, тмин, перец чили, перец душистый, кориандр), сельдерей. На предприятии используются: горчица, злаки, кунжут, молочные продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки. **Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения):** белок – 10 г; жир – 37 г; энергетическая ценность (калорийность) – 1540 кДж/375 ккал. Упаковано под вакуумом. Хранить при температуре от 2°C до 6°C. Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре хранения от 2°C до 6°C и относительной влажности воздуха от 75% до 78% - не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. Дата изготовления и упаковывания, срок годности: смотреть на упаковке. **TU 10.13.14-003-20287452-2019.** Произведено в России. Изготовитель: ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6. Адрес производства: 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2. Телефон «Горячей линии»: 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). www.miratorg.ru.

САН PHẨM XÚC XÍCH THỊT LOẠI B. XÚC XÍCH HUN KHÔI VỊ TỎI.

Thành phần: thịt heo, mỡ heo (mỡ lưng), chất ổn định protein (da heo, nước), thịt bò, nước, protein sữa, protein động vật (từ thịt heo), hỗn hợp muối nitrit (muối, chất giữ màu (natri nitrit)), tỏi, chất ổn định (natri dihydro pyrophosphat), chất làm đặc (natri alginat, carrageenan), chất điều vị (mononatri glutamat), gia vị tự nhiên (nhục đậu khấu, thì là, ớt, tiêu Jamaica, rau mùi), cần tây. **Tại cơ sở sản xuất có sử dụng:** mù tạt, ngũ cốc, mè, các sản phẩm từ sữa, các loại hạt, cần tây, sulfite, trứng và các sản phẩm chế biến từ trứng. **Giá trị dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm (giá trị trung bình):** protein – 10 g; chất béo – 37 g; **Giá trị năng lượng (kcal)** – 1540 kJ / 375 kcal. **Đóng gói hút chân không.** Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C đến 6°C. Thời hạn sử dụng khuyến nghị của sản phẩm sau khi bao bì tiêu dùng bị mở, ở nhiệt độ bảo quản từ 2°C đến 6°C và độ ẩm không khí tương đối từ 75% đến 78%, không quá 3 ngày và trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm đóng gói. Ngày sản xuất, ngày đóng gói và hạn sử dụng: xem trên bao bì. **Tiêu chuẩn TU 10.13.14-003-20287452-2019.** Sản xuất tại Nga. **Nhà sản xuất:** Công ty TNHH “Miratorg-Kursk”. 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6. **Địa chỉ sản xuất:** 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2. **Đường dây nóng:** 8-800-100-80-87 (cuộc gọi miễn phí trong lãnh thổ Nga). www.miratorg.ru.

CÔNG TY TNHH MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)
NGUYỄN HỮU LONG

moon

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt**.

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên


Ngô Đình Hoàn

Ngày 19 tháng 03 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười chín, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN**
Trần Thị Huyền là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 31373 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

Handwritten text, possibly a date or reference number, located in the upper center of the page.



Handwritten text or signature at the bottom center of the page.

[illegible]

«ЧЕХОИ-А3».

88 Состав: глинина, шпик свиной, бегловый стабилизатор (шпика свиная, вода), пищевая вода, беглов молочный, животный белок (творог), последний нитрат-ная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрат натрия), чеснок, стабилизатор (дигидрофосфат натрия), загустители (алгинат натрия, каррагинан), усилитель вкуса и аромата (пшеница натрия 1-замещенный), натуральные пряности (сушеный орех, тмин, перец чили, перец душистый, кориандр), сельдерей. На предприятии используются: торфяца, заики, кижуч, молотые продукты, орехи, сельдерей, сульфиты, яйца и продукты их переработки. Продажа ценност 100 г продукта (средние значения): белок – 10 г; жир – 37 г энергетическая ценность (калорийность) – 1540 кДж/375 ккал. Указовано под вакуумом. Хранить при температуре от 2°С до 6°С. Рекомендую-емый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре хранения от 2°С до 6°С и относительной влажности воздуха от 75% до 78% – не более 3 суток в пределах общего срока годности указанной продукции. Дата изготовления и упаковки вывешива, срок годности: смодеть на упаковке. ТУ 10.13.14-003-20287452-2019. Произведено в России. Изготовитель: ООО «Индустри-Курская» 3071120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любав, ул. Западная, выделение 6. Адрес производства: 307120, Россия, Курской обл., Октябрьский р-он, Чернышевский сельсовет, село Чернышевское, строение 2, корпус 2. Телефон «горячей линии»: 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный) www.milpat.org.ru.

«İSNOÇNAYA» KOLBASASI.
V KATEORİYALİ OT KOLBASAMHSULLU.
YARIN HİSİ VERİLMİŞ.

Tartarib: donuz eti, donuz piyi, zülal, sabit qazdırıcısı (donuz piyi, su), mal eti, qazdırıcısı (mal eti), bəyaz (donuz) zülal, qazdırma qüvvəsi qansız (qazdırma qüvvəsi olan) (malium nitrum), sarımsaq, sabitləşdirici (narıum elhidropirofəsfat), qazlaşdırıcılar (narıum alqinat, kəsməgəncə), dad və acı qıcaldırıcısı (L-azot edilməy narıum glutamat), təbii ədviyyatlar (cöviz, zirə, çili bibəri, atıni ləhvət, dağqəməsi), kəroviz, mənassəsə xardal, taxıl, kəməli, süd məhsulları, hindı, kərəviz, sült, yunurta və onlardan emal edilmiş məhsullar istifadə edilir. 100 q məhsulun otalama qida dəyəri: zülal – 10 r, yağ – 37 r, 100 q məhsulun otalama enerjisi dəyəri/kaloriyası – 1540 kJ/375 kcal. Yəqum altında temperaturunda istehsal qabaqşdırmasının bir qüvvəyünün pozulmasından sonra məhsulun məsləhət görülmə yararlı müddəti 2°C -dən 6°C-dək temperaturda və havanın nisbi rütubətli an çox 75% -dən 78% -dək olan şərdə - qabaqşdırılmış məhsulun ümumi yararlı müddəti daxilində an çox 3 ay müddətində istehlak qabaqşdırma tarixi və son istifadə tarixi qabaqşdırılma qüvvəsi göstərilir.

$$\overline{2,5} \text{ MI}$$

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Long

NỘI * Đ. T.

... m



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (1/5)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 07/04/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : XÚC XÍCH HUN KHÓI TỎI MRT
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (1/5)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cảm quan / Sensory	Sản phẩm dạng rắn, mềm, gói kín, nguyên vẹn, không hư hỏng, không có tạp chất lạ. Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ.	-	AVA-KN-PP.HL/56

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) (*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (2/5)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 07/04/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : XÚC XÍCH HUN KHÓI TÒI MRT
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :



Qua





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



ISO/IEC 17025:2017

Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (2/5)

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	285	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	14.4	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	5.39	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	22.9	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
5	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	688	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analyses:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (3/5)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 07/04/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : XÚC XÍCH HUN KHÓI TÒI MRT
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (3/5)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.018	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of Detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK

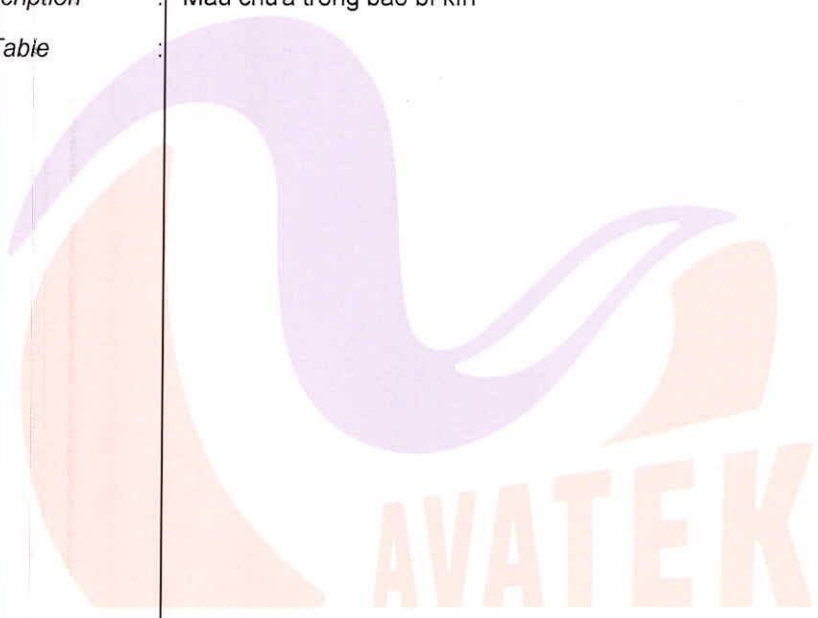


Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (4/5)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 07/04/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample : XÚC XÍCH HUN KHÓI TỎI MRT
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
2	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)
3	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK

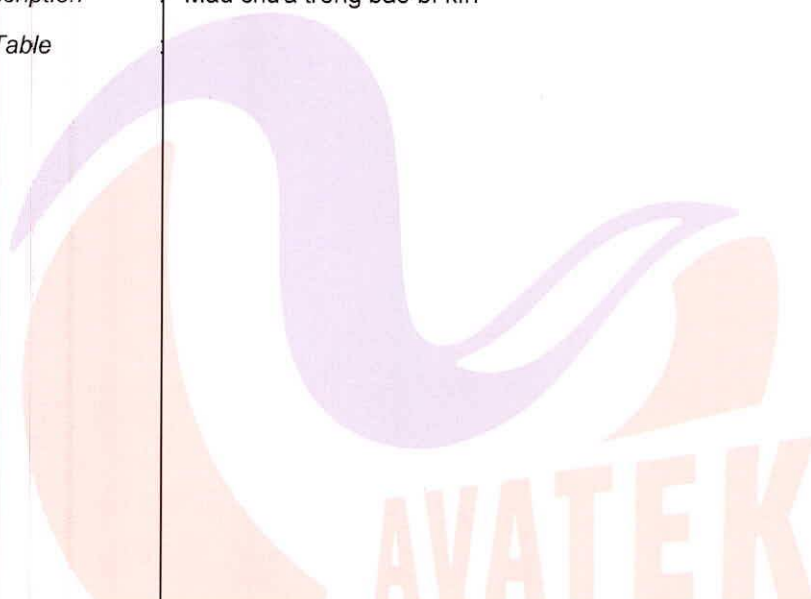


Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (5/5)

Tên khách hàng/ Client's Name	CÔNG TY TNHH MOONMILK
Địa chỉ/ Client's Address	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ Date of testing	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of Issue	07/04/2026
Thông tin mẫu/ Name of Sample	XÚC XÍCH HUN KHÓI TÒI MRT
Mô tả mẫu/ Sample Description	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table	



Quu





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: COB2260300290-4 (5/5)

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	7.0 x 10 ¹	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022
2	Salmonella (*) / Salmonella (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of Detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



